# PHỤ LỤC: GIAO CHỈ TIÊU THỰC HIỆN GIẢI NGÂN VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2026 CỦA CÁC DỰ ÁN DO CẤP TỈNH QUẢN LÝ

*(Kèm theo Công văn số 923 /UBND-KTCN ngày 17/4/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh)*

*Đơn vị tính: triệu đồng*

| STT | Danh mục dự án | Địa điểm xây dựng | Thời gian | QĐ đầu tư | Tổng mức đầu tư | Lũy kế vốn đã bố trí hết kế hoạch năm 2025 | Kế hoạch đầu tư công năm 2026 | | | Khối lượng nghiệm thu từ đầu năm đến thời điểm hiện tại | Kết quả thực hiện đến thời điểm hiện nay | | Giao chỉ tiêu thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư công năm 2026 | | | | | | | | | Chủ đầu tư | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | | | | | | | | Quý 2/2026 | | | Quý 3/2026 | | | Quý 4/2026 | | | | |
| | | | | | | | Tổng cộng | Theo QĐ 2688/QĐ-UBND ngày 15/12/2025 | Bổ sung trong năm | | Giải ngân | Tỷ lệ so với KH ĐTC điều chỉnh (%) | Giải ngân | Tỷ lệ so với KH ĐTC điều chỉnh (%) | Tỷ lệ so với KH đầu năm tại QĐ 2688/QĐ-UBND | Giải ngân | Tỷ lệ so với KH ĐTC điều chỉnh (%) | Tỷ lệ so với KH đầu năm tại QĐ 2688/QĐ-UBND | Giải ngân | Tỷ lệ so với KH đầu năm tại QĐ 2688/QĐ-UBND | Tỷ lệ so với KH ĐTC điều chỉnh (%) | | |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13=12/8 | 14 | 15=14/8 | 16=14/9 | 17 | 18=17/8 | 19=17/9 | 20 | 21=20/9 | 22=20/8 | 23 | 24 |
| **A** | **Tổng cộng (Các chủ đầu tư dự án cấp tỉnh)** | | | | | | **4.911.275** | **2.260.394** | **2.650.881** | | **607.962** | **12%** | **1.597.535** | **33%** | **71%** | **3.101.129** | **63%** | **137%** | **4.909.020** | **217%** | **100%** | | |
| 1 | Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh | | | | | | 3.604.789 | 1.404.789 | 2.200.000 | | 345.120 | 10% | 858.457 | 24% | 61% | 2.053.684 | 57% | 146% | 3.602.534 | 256% | 100% | | |
| 2 | Sở Giáo dục và Đào tạo | | | | | | 235.744 | 21.154 | 214.590 | | 60.575 | 26% | 188.595 | 80% | 892% | 235.744 | 100% | 1114% | 235.744 | 1114% | 100% | | |
| 3 | Công an tỉnh | | | | | | 291.371 | 55.080 | 236.291 | | 89.182 | 31% | 216.330 | 74% | 393% | 277.958 | 95% | 505% | 291.371 | 529% | 100% | | |
| 4 | Sở Tài chính | | | | | | 6.312 | 6.312 | 0 | | 0 | 0% | 6.312 | 100% | 100% | 6.312 | 100% | 100% | 6.312 | 100% | 100% | | |
| 5 | Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông tỉnh | | | | | | 118.447 | 118.447 | 0 | | 8.085 | 7% | 35.534 | 30% | 30% | 71.068 | 60% | 60% | 118.447 | 100% | 100% | | |
| 6 | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch | | | | | | 29.978 | 29.978 | 0 | | 0 | 0% | 8.993 | 30% | 30% | 17.987 | 60% | 60% | 29.978 | 100% | 100% | | |
| 7 | UBND xã Bình Gia | | | | | | 24.827 | 24.827 | 0 | | 0 | 0% | 7.448 | 30% | 30% | 14.896 | 60% | 60% | 24.827 | 100% | 100% | | |
| 8 | UBND xã Chi Lăng | | | | | | 44.700 | 44.700 | 0 | | 0 | 0% | 13.410 | 30% | 30% | 26.820 | 60% | 60% | 44.700 | 100% | 100% | | |
| 9 | UBND xã Hữu Lũng | | | | | | 8.210 | 8.210 | 0 | | 0 | 0% | 2.463 | 30% | 30% | 4.926 | 60% | 60% | 8.210 | 100% | 100% | | |
| 10 | UBND xã Bắc Sơn | | | | | | 498 | 498 | 0 | | 0 | 0% | 498 | 100% | 100% | 498 | 100% | 100% | 498 | 100% | 100% | | |
| 11 | UBND xã Na Sầm | | | | | | 3.632 | 3.632 | 0 | | 0 | 0% | 3.632 | 100% | 100% | 3.632 | 100% | 100% | 3.632 | 100% | 100% | | |
| 12 | UBND xã Thất Khê | | | | | | 1.159 | 1.159 | 0 | | 0 | 0% | 1.159 | 100% | 100% | 1.159 | 100% | 100% | 1.159 | 100% | 100% | | |
| 13 | Các nhiệm vụ khác (Ủy thác NHCSXH, vốn điều lệ quỹ, quỹ phát triển đất, phân cấp cho cấp xã...) | | | | | | 541.608 | 541.608 | | | 105.000 | 19% | 254.702 | 47% | 47% | 386.445 | 71% | 71% | 541.608 | 100% | 100% | | |
| | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| **B** | **Tổng cộng** | | | | | | **4.911.275** | **2.260.394** | **2.650.881** | | **607.962** | **12%** | **1.597.535** | **33%** | **71%** | **3.101.129** | **63%** | **137%** | **4.909.020** | **217%** | **100%** | | |
| **I** | **Dự án hoàn thành** | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| **II** | **Dự án chuyển tiếp** | | | | | | **4.812.677** | **2.161.796** | **2.650.881** | | **607.962** | **13%** | **1.577.783** | **33%** | **73%** | **3.048.874** | **63%** | **141%** | **4.812.677** | **223%** | **100%** | | |
| **a** | **Ngân sách trung ương** | | | | | | **3.134.276** | **483.395** | **2.650.881** | | **197.002** | **6%** | **545.696** | **17%** | **113%** | **1.653.838** | **53%** | **342%** | **3.134.276** | **648%** | **100%** | | |
| 1 | Đường tránh ĐT.226 (đoạn qua thị trấn Bình Gia, Văn Mịch) và khu TĐC, DC thị trấn Bình Gia | xã Bình Gia | 2023-2026 | 46/NQ-HĐND ngày 25/11/2021; 2079/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 | 249.677 | 160.101 | 70.075 | 70.075 | | | 776 | 1% | 21.023 | 30% | | 42.045 | 60% | | 70.075 | | 100% | Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh | |
| 2 | Đường Lý Thái Tổ kéo dài và khu dân cư, tái định cư TPLS | phường Đông Kinh | 2023-2026 | 40/NQ-HĐND ngày 25/11/2021; 2075/QĐ-UBND ngày 29/12/2022 | 690.313 | 226.448 | 246.165 | 246.165 | | | | | 73.850 | 30% | | 147.699 | 60% | | 246.165 | | 100% | Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh | |
| 3 | Xây dựng tuyến đường giao thông kết nối khu công nghiệp Hữu Lũng, ĐT.245 với QL.31 - Cảng Mỹ An (tỉnh Bắc Giang) | xã Hữu Lũng, Tuấn Sơn | 2024-2027 | NQ 43/NQ-HĐND ngày 25/11/2021; 06/NQ-HĐND ngày 24/3/2022; 1908/QĐ-UBND ngày 20/11/2023 | 147.759 | 54.112 | 93.647 | 93.647 | | | 8085 | 9% | 28.094 | 30% | | 56.188 | 60% | | 93.647 | | 100% | Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông tỉnh | |
| 4 | Khu liên hợp thể thao tỉnh Lạng Sơn (Hạng mục: Sân vận động trung tâm, Nhà thi đấu đa năng) | phường Đông Kinh | 2024-2027 | 43/NQ-HĐND ngày 8/12/2023 | 500.300 | 230.000 | 73.508 | 73.508 | | | 52.025 | 71% | 62.025 | 84% | | 77.025 | 105% | | 73.508 | | 100% | Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh | |
| 5 | Trường phổ thông nội trú TH&THCS Kiên Mộc, xã Kiên Mộc, tỉnh Lạng Sơn | Xã Kiên Mộc | 2025-2026 | 2704/QĐ-UBND ngày 15/12/2025 | 344.592 | 69.600 | 104.401 | | 104.401 | | 32.796 | | 83.521 | 80% | | 104.401 | 100% | | 104.401 | | 100% | Sở Giáo dục và Đào tạo | |
| 6 | Trường phổ thông nội trú TH&THCS Khuất Xá, xã Khuất Xá, tỉnh Lạng Sơn | Xã Khuất Xá | 2025-2026 | 2703/QĐ-UBND ngày 15/12/2025 | 283.567 | 47.224 | 110.189 | | 110.189 | | 24.791 | | 88.151 | 80% | | 110.189 | 100% | | 110.189 | | 100% | Sở Giáo dục và Đào tạo | |
| 7 | Trường phổ thông nội trú Tiểu học và Trung học cơ sở Quốc Khánh | Xã Quốc Khánh | 2025-2026 | 2705/QĐ-UBND ngày 15/12/2025 | 350.445 | 51.116 | 119.270 | | 119.270 | | 36.317 | | 95.416 | 80% | | 119.270 | 100% | | 119.270 | | 100% | Công an tỉnh | |
| 8 | Trường phổ thông nội trú Tiểu học và Trung học cơ sở Mẫu Sơn | Xã Mẫu Sơn | 2025-2026 | 2706/QĐ-UBND ngày 15/12/2025 | 390.148 | 50.152 | 117.021 | | 117.021 | | 42.211 | | 93.617 | 80% | | 117.021 | 100% | | 117.021 | | 100% | Công an tỉnh | |

| STT | Danh mục dự án | Địa điểm xây dựng | Thời gian | QĐ đầu tư | Tổng mức đầu tư | Lũy kế bố trí vốn đến hết kế hoạch năm 2025 | Kế hoạch đầu tư công năm 2026 | | | Khối lượng nghiệm thu từ đầu năm đến thời điểm hiện tại | Kết quả thực hiện đến thời điểm hiện nay | | Giao chỉ tiêu thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư công năm 2026 | | | | | | | | | Chủ đầu tư | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | | | | | | | | Quý 2/2026 | | | Quý 3/2026 | | | Quý 4/2026 | | | | |
| | | | | | | | Tổng cộng | Theo QĐ 2688/QĐ-UBND ngày 15/12/2025 | Bổ sung trong năm | | Giải ngân | Tỷ lệ so với KH ĐTC điều chỉnh (%) | Giải ngân | Tỷ lệ so với KH ĐTC điều chỉnh (%) | Tỷ lệ so với KH đầu năm tại QĐ 2688/QĐ-UBND | Giải ngân | Tỷ lệ so với KH ĐTC điều chỉnh (%) | Tỷ lệ so với KH đầu năm tại QĐ 2688/QĐ-UBND | Giải ngân | Tỷ lệ so với KH đầu năm tại QĐ 2688/QĐ-UBND | Tỷ lệ so với KH ĐTC điều chỉnh (%) | | |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13=12/8 | 14 | 15=14/8 | 16=14/9 | 17 | 18=17/8 | 19=17/9 | 20 | 21=20/9 | 22=20/8 | 23 | 24 |
| 9 | Tuyến cao tốc cửa khẩu Hữu Nghị - Chi Lăng theo hình thức BOT | Chi Lăng, TPLS, Cao Lộc | 2023-2026 | 41/NQ-HĐND ngày 30/12/2022; 2014/QĐ-UBND ngày 04/12/2023; 18/NQ-HĐND ngày 28/4/2025 | 8.200.000 | 1.046.652 | 2.200.000 | | 2.200.000 | | | | | | | 880.000 | 40% | | 2.200.000 | | 100% | Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh | Dự kiến bổ sung NSTW trong quý II/2026 |
| **b** | **Vốn Cân đối NSĐP** | | | | | | **807.401** | **807.401** | **0** | | **410.960** | **51%** | **675.901** | **84%** | **84%** | **745.921** | **92%** | **92%** | **807.401** | **100%** | **100%** | | |
| | Tuyến cao tốc cửa khẩu Hữu Nghị - Chi Lăng theo hình thức BOT | Chi Lăng, TPLS, Cao Lộc | 2023-2026 | 41/NQ-HĐND ngày 30/12/2022; 2014/QĐ-UBND ngày 04/12/2023; 18/NQ-HĐND ngày 28/4/2025 | 8.200.000 | 1.046.652 | 450.988 | 450.988 | | | 292.319 | 65% | 450.988 | 100% | | 450.988 | 100% | | 450.988 | | 100% | Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh | |
| | Trường phổ thông nội trú TH&THCS Kiên Mộc, xã Kiên Mộc, tỉnh Lạng Sơn | Xã Kiên Mộc | 2025-2026 | 2704/QĐ-UBND ngày 15/12/2025 | 344.592 | | 11.106 | 11.106 | | | 949 | 9% | 8.885 | 80% | | 11.106 | 100% | | 11.106 | | 100% | Sở Giáo dục và Đào tạo | |
| | Trường phổ thông nội trú TH&THCS Khuất Xá, xã Khuất Xá, tỉnh Lạng Sơn | Xã Khuất Xá | 2025-2026 | 2703/QĐ-UBND ngày 15/12/2025 | 283.567 | | 10.048 | 10.048 | | | 2.038 | 20% | 8.038 | 80% | | 10.048 | 100% | | 10.048 | | 100% | Sở Giáo dục và Đào tạo | |
| | Trường phổ thông nội trú Tiểu học và Trung học cơ sở Quốc Khánh | Xã Quốc Khánh | 2025-2026 | 2705/QĐ-UBND ngày 15/12/2025 | 350.445 | | 10.876 | 10.876 | | | 2.889 | 27% | 8.701 | 80% | | 10.876 | 100% | | 10.876 | | 100% | Công an tỉnh | |
| | Trường phổ thông nội trú Tiểu học và Trung học cơ sở Mẫu Sơn | Xã Mẫu Sơn | 2025-2026 | 2706/QĐ-UBND ngày 15/12/2025 | 390.148 | | 10.671 | 10.671 | | | 7.764 | 73% | 8.537 | 80% | | 10.671 | 100% | | 10.671 | | 100% | Công an tỉnh | |
| 10 | Điều chỉnh quy hoạch tỉnh Lạng Sơn, thời kỳ 2021-2030 | tỉnh Lạng Sơn | 2025-2026 | | 12.362 | 6.050 | 6.312 | 6.312 | | | | | 6.312 | 100% | | 6.312 | 100% | | 6.312 | | 100% | Sở Tài chính | |
| 11 | Các nhiệm vụ khác (Uỷ thác NHCSXH, vốn điều lệ quỹ, quỹ phát triển đất, phân cấp cho cấp xã,…) | | | | | | 307.400 | 307.400 | | | 105.000 | 34% | 184.440 | 60% | | 245.920 | 80% | | 307.400 | | 100% | | |
| **c** | **Nguồn thu sử dụng đất** | | | | | | **850.000** | **850.000** | **0** | | **0** | **0%** | **349.886** | **41%** | **41%** | **636.515** | **75%** | **75%** | **850.000** | **100%** | **100%** | | |
| 12 | Dự án Đường Lũng Vài - Bình Độ -Tân Minh đoạn từ Km12 - Km20 | xã Kháng Chiến | 2024-2026 | 2196/QĐ-UBND ngày 10/11/2021 | 40.720 | 15.920 | 24.800 | 24.800 | | | | | 7.440 | 30% | | 14.880 | 60% | | 24.800 | | 100% | Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông tỉnh | |
| 13 | Đường tránh ĐT.226 (đoạn qua thị trấn Bình Gia, Văn Mịch) và khu TĐC, DC thị trấn Bình Gia | xã Bình Gia, Hồng Phong | 2023-2026 | 46/NQ-HĐND ngày 25/11/2021 | 249.667 | 160.225 | 19.667 | 19.667 | | | | | 5.900 | 30% | | 11.800 | 60% | | 19.667 | | 100% | Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh | |
| 14 | Đường Lý Thái Tổ kéo dài và khu dân cư, tái định cư TPLS | phường Đông Kinh | 2023-2026 | 40/NQ-HĐND ngày 25/11/2021 | 690.313 | 226.448 | 151.700 | 151.700 | | | | | 45.510 | 30% | | 91.020 | 60% | | 151.700 | | 100% | Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh | |
| 15 | Công viên bờ sông Kỳ Cùng (đoạn từ Khách sạn Đông Kinh đến Đền Kỳ Cùng) và bãi đỗ xe công cộng phường Lương Văn Tri | phường Đông Kinh | 2025-2027 | 2084/QĐ-UBND ngày 23/9/2025; 2292/QĐ-UBND ngày 31/10/2025 | 51.618 | 30.100 | 15.000 | 15.000 | | | | | 4.500 | 30% | | 9.000 | 60% | | 15.000 | | 100% | Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh | |
| | Tuyến cao tốc cửa khẩu Hữu Nghị - Chi Lăng theo hình thức BOT | Chi Lăng, TPLS, Cao Lộc | 2023-2026 | 41/NQ-HĐND ngày 30/12/2022; 2014/QĐ-UBND ngày 04/12/2023; 18/NQ-HĐND ngày 28/4/2025 | 8.200.000 | 1.046.652 | 316.287 | 316.287 | | | | | 189.772 | 60% | | 316.287 | 100% | | 316.287 | | 100% | Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh | |
| 16 | Khối biểu tượng Chiến thắng 17/10 tại vườn hoa 17/10 thành phố Lạng Sơn | phường Đông Kinh | 2025-2026 | 1909/QĐ-UBND ngày 21/11/2023 | 33.728 | 9.000 | 24.728 | 24.728 | | | | | 7.418 | 30% | | 14.837 | 60% | | 24.728 | | 100% | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch | |
| 17 | Tôn tạo và phát huy giá trị Di tích Địa điểm Thủy Môn Đình, thị trấn Đồng Đăng, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn | xã Đồng Đăng | 2024-2026 | 401/QĐ-UBND ngày 13/3/2023 | 9.849 | 4.599 | 5.250 | 5.250 | | | | | 1.575 | 30% | | 3.150 | 60% | | 5.250 | | 100% | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch | |
| 18 | Mở rộng trụ sở làm việc phòng CS PCCC&CNCH tỉnh Lạng Sơn | phường Đông Kinh | 2025-2027 | 27/QĐ-UBND ngày 26/02/2024 | 43.887 | 10.354 | 33.533 | 33.533 | | | | | 10.060 | 30% | | 20.120 | 60% | | 33.533 | | 100% | Công an tỉnh | |
| 19 | Nhà hành chính Trụ sở HĐND và UBND huyện Bình Gia | xã Bình Gia | 2024-2026 | 968/QĐ-UBND ngày 23/6/2023 | 38.000 | 13.173 | 24.827 | 24.827 | | | | | 7.448 | 30% | | 14.896 | 60% | | 24.827 | | 100% | UBND xã Bình Gia | |
| 20 | Các nhiệm vụ khác | | | | | | 234.208 | 234.208 | | | | 0% | 70.262 | 30% | | 140.525 | 60% | | 234.208 | | 100% | | |
| **d** | **Xổ số kiến thiết** | | | | | | **21.000** | **21.000** | **0** | | **0** | **0%** | **6.300** | **30%** | **30%** | **12.600** | **60%** | **60%** | **21.000** | **100%** | **100%** | | |

| STT | Danh mục dự án | Địa điểm xây dựng | Thời gian | QĐ đầu tư | Tổng mức đầu tư | Lũy kế bố trí vốn đến hết kế hoạch năm 2025 | Kế hoạch đầu tư công năm 2026 | | | Khối lượng nghiệm thu từ đầu năm đến thời điểm hiện tại | Kết quả thực hiện đến thời điểm hiện nay | | Giao chỉ tiêu thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư công năm 2026 | | | | | | | | | Chủ đầu tư | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | | | | | | | | Quý 2/2026 | | | Quý 3/2026 | | | Quý 4/2026 | | | | |
| | | | | | | | Tổng cộng | Theo QĐ 2688/QĐ-UBND ngày 15/12/2025 | Bổ sung trong năm | | Giải ngân | Tỷ lệ so với KH ĐTC điều chỉnh (%) | Giải ngân | Tỷ lệ so với KH ĐTC điều chỉnh (%) | Tỷ lệ so với KH đầu năm tại QĐ 2688/QĐ-UBND | Giải ngân | Tỷ lệ so với KH ĐTC điều chỉnh (%) | Tỷ lệ so với KH đầu năm tại QĐ 2688/QĐ-UBND | Giải ngân | Tỷ lệ so với KH đầu năm tại QĐ 2688/QĐ-UBND | Tỷ lệ so với KH ĐTC điều chỉnh (%) | | |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13=12/8 | 14 | 15=14/8 | 16=14/9 | 17 | 18=17/8 | 19=17/9 | 20 | 21=20/9 | 22=20/8 | 23 | 24 |
| 21 | Nâng cấp, mở rộng Trường THPT Cao Lộc | phường Kỳ Lừa | 2025-2027 | 611/QĐ-UBND ngày 11/3/2025 | 34.580 | 10.250 | 16.300 | 16.300 | | | | | 4.890 | 30% | | 9.780 | 60% | | 16.300 | | 100% | Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh | |
| 22 | Cải tạo, nâng cấp điểm trường Cơ Khí, Trường Tiểu học 2 thị trấn Đồng Mỏ, huyện Chi Lăng | Xã Chi Lăng | 2025-2027 | 614/QĐ-UBND ngày 11/3/2025 | 14.900 | 10.200 | 4.700 | 4.700 | | | | | 1.410 | 30% | | 2.820 | 60% | | 4.700 | | 100% | UBND xã Chi Lăng | |
| | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| **III** | **Khởi công mới** | | | | | | **45.099** | **45.099** | **0** | | **0** | **0%** | **0** | **0%** | **0%** | **18.040** | **40%** | **40%** | **42.844** | **95%** | **95%** | | |
| **a** | **Ngân sách trung ương** | | | | | | **45.099** | **45.099** | **0** | | **0** | **0%** | **0** | **0%** | **0%** | **18.040** | **40%** | **40%** | **42.844** | **95%** | **95%** | | |
| 23 | Dự án Phát triển cơ sở hạ tầng thích ứng với biến đổi khí hậu để hỗ trợ sản xuất cho đồng bào dân tộc các tỉnh miền núi, trung du phía Bắc, tỉnh Lạng Sơn | tỉnh Lạng Sơn | 2026-2030 | 576/QĐ-TTg ngày 11/5/2022; 1077/QĐ-TTg ngày 04/6/2025 | 813.500 | | 45.099 | 45.099 | | | | | | | | 18.040 | 40% | | 42.844 | | 95% | Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh | |
| | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| **IV** | **Dự án từ cấp huyện (trước sắp xếp) chuyển về** | | | | | | **53.499** | **53.499** | **0** | | **0** | **0%** | **19.752** | **37%** | **37%** | **34.215** | **64%** | **64%** | **53.499** | **100%** | **100%** | | |
| **a** | **Vốn Cân đối NSĐP** | | | | | | **53.499** | **53.499** | **0** | | **0** | **0%** | **19.752** | **37%** | **37%** | **34.215** | **64%** | **64%** | **53.499** | **100%** | **100%** | | |
| 24 | Dự án xây dựng khu dân cư tập trung Than Muội | xã Chi Lăng | 2025-2027 | 2440/QĐ-UBND ngày 04/6/2025 | 50.000 | 1.247 | 20.000 | 20.000 | | | | | 6.000 | 30% | | 12.000 | 60% | | 20.000 | | 100% | UBND xã Chi Lăng | |
| 25 | Xây mới trường Tiểu học Chi Lăng 2 | | 2025-2027 | 1458/QĐ-UBND ngày 28/5/2025 | 94.629 | 25.000 | 20.000 | 20.000 | | | | | 6.000 | 30% | | 12.000 | 60% | | 20.000 | | 100% | UBND xã Chi Lăng | |
| 26 | Trường Tiểu học xã Hòa Sơn, huyện Hữu Lũng | | 2024-2026 | 2374/QĐ-UBND, 10/6/2024 | 12.500 | 6.500 | 4.000 | 4.000 | | | | | 1.200 | 30% | | 2.400 | 60% | | 4.000 | | 100% | UBND xã Hữu Lũng | |
| 27 | Trường THCS 1 xã Hòa Thắng, huyện Hữu Lũng | | 2024-2026 | 7343/QĐ-UBND, 16/10/2024 | 5.838 | 3.500 | 1.300 | 1.300 | | | | | 390 | 30% | | 780 | 60% | | 1.300 | | 100% | UBND xã Hữu Lũng | |
| 28 | Trường Tiểu học 1 xã Hòa Thắng, huyện Hữu Lũng | | 2024-2026 | 7239/QĐ-UBND, 08/10/2024 | 17.240 | 13.200 | 2.910 | 2.910 | | | | | 873 | 30% | | 1.746 | 60% | | 2.910 | | 100% | UBND xã Hữu Lũng | |
| 29 | Đường Thanh Yên 1 – Bảo Thanh – Bản Luông (qua Thanh Yên 1, Bản Luông, Bảo Thanh), xã Vũ Lăng, huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn | | 2022-2023 | 3916/QĐ-UBND ngày 01/12/2022 | 14.672 | 13.221 | 9 | 9 | | | | | 9 | 100% | | 9 | 100% | | 9 | | 100% | UBND xã Bắc Sơn | |
| 30 | Dự án đầu tư xây dựng, cải tạo Trạm y tế tuyến xã trên địa bàn huyện Bắc Sơn | | 2023-2024 | 1726/QĐ-UBND ngày 12/7/2023 | 23.158 | 21.596 | 489 | 489 | | | | | 489 | 100% | | 489 | 100% | | 489 | | 100% | UBND xã Bắc Sơn | |
| 31 | Bổ sung cơ sở vật chất trường Tiểu học xã Tân Thanh | xã Hoàng Văn Thụ | 2024-2026 | 2098/QĐ-UBND ngày 23/9/2024 | 7.000 | 3.377 | 3.262 | 3.262 | | | | | 3.262 | 100% | | 3.262 | 100% | | 3.262 | | 100% | UBND xã Na Sầm | |
| 32 | Trụ sở UBND xã Hoàng Văn Thụ | xã Hoàng Văn Thụ | 2022 | Số 660, ngày 28/02/2022 | 5.000 | 4.250 | 370 | 370 | | | | | 370 | 100% | | 370 | 100% | | 370 | | 100% | UBND xã Na Sầm | |
| 33 | Đài Truyền thanh - Truyền hình huyện Tràng Định | xã Thất Khê | 2021-2024 | 2813/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 | 2.530 | 800 | 1.159 | 1.159 | | | | | 1.159 | 100% | | 1.159 | 100% | | 1.159 | | 100% | UBND xã Thất Khê | |

**DANH MỤC GIAO NHIỆM VỤ THỰC HIỆN, TRIỂN KHAI DỰ ÁN CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ NĂM 2026**

*(Kèm theo Công văn số 923 /UBND-KTCN ngày 17/4/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh)*

*Đơn vị: Triệu đồng*

| STT | Nội dung | Địa điểm xây dựng | Thời gian khởi công, hoàn thành | Quyết định chủ trương đầu tư, thỏa thuận chủ trương đầu tư | | Vốn đã giải ngân từ khởi công đến hết kế hoạch năm trước | Kế hoạch năm 2026 bố trí chuẩn bị đầu tư | Giao nhiệm vụ về tiến độ (kế hoạch) triển khai, thực hiện | | | | | | Cơ quan chuẩn bị đầu tư | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Số quyết định ngày, tháng năm | Dự kiến tổng mức đầu tư | | | Quý 2/2026 | | Quý 3/2026 | | Quý 4/2026 | | | |
| | | | | | | | | Thực tế triển khai, thực hiện | Yêu cầu tiến độ | Thực tế triển khai, thực hiện | Yêu cầu tiến độ | Thực tế triển khai, thực hiện | Yêu cầu tiến độ | | |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 |
| | **TỔNG CỘNG** | | **93** | | **28.010.269** | **-** | **9.300** | | | | | | | | |
| **A** | **DỰ ÁN CẦN ƯU TIÊN TRIỂN KHAI THEO KẾT LUẬN TỈNH ỦY, HĐND TỈNH** | | **19** | | **4.298.500** | **-** | **1.800** | | | | | | | | |
| 1 | Đầu tư xây dựng mới cầu Na Sầm | xã Na Sầm | 2026-2029 | | 275.000 | | 100 | | Hoàn thành hồ sơ trình thẩm định, phê duyệt chủ trương đầu tư, hoàn thành phê duyệt dự án | | | | | Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh | Bố trí khởi công trong năm 2026 sau khi hoàn thiện thủ tục đầu tư |
| 2 | Cầu Gốc Hồng (Tân Minh - Tân Nhiên) | xã Vân Nham | 2027-2029 | | 45.000 | | 70 | | Hoàn thành hồ sơ trình thẩm định, phê duyệt chủ trương đầu tư, hoàn thành phê duyệt dự án | | | | | Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh | Kết luận khảo sát ngày 27/10/2025 của Tỉnh ủy, cần bổ sung thực hiện giai đoạn 2026-2030 |
| 3 | Đầu tư xây dựng tuyến đường tỉnh ĐT.240 (đi vào khu lưu niệm đồng chí Hoàng Văn Thụ) | xã Hoàng Văn Thụ | 2026-2028 | | 50.000 | | 100 | | Hoàn thành hồ sơ trình thẩm định, phê duyệt chủ trương đầu tư | | | | | Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh | Kết luận Thường trực HĐND tỉnh |
| 4 | Mở rộng đường từ tỉnh lộ 226 vào trung tâm xã Hùng Sơn (Đường ĐH.09A) | xã Hùng Sơn | 2027-2029 | | 50.000 | | 100 | | Hoàn thành hồ sơ trình thẩm định, phê duyệt chủ trương đầu tư | | | | | Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh | kết luận khảo sát Thường trực HĐND tỉnh |
| 5 | Xây dựng Trung tâm hành chính tỉnh Lạng Sơn, giai đoạn 1 | phường Lương Văn Tri | 2027-2031 | | 1.380.000 | | 150 | | Hoàn thành hồ sơ trình thẩm định, phê duyệt chủ trương đầu tư | | | | | Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh | Kết luận Tỉnh ủy |
| 6 | Nâng cấp, mở rộng Trường cao đẳng Lạng Sơn | Tỉnh Lạng Sơn | 2026-2029 | | 500.000 | | 100 | | Hoàn thành hồ sơ trình thẩm định, phê duyệt chủ trương đầu tư, hoàn thành phê duyệt dự án | | | | | Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh | Dự kiến chuyển đề xuất từ CMTQG |
| 7 | Tuyến mương kết nối Suối Vị, Suối Ngang và Sông Thương với hạ tầng khu công nghiệp VSIP | | 2026-2028 | 366/TB-VP ngày 03/10/2025 | 18.500 | | 50 | | Hoàn thành hồ sơ trình thẩm định, phê duyệt chủ trương đầu tư, hoàn thành phê duyệt dự án | | | | | Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh | 366/TB-VP ngày 03/10/2025 giao Ban đề xuất (hạ tầng ngoài hàng rào KCN VSIP) |
| 8 | Công viên bờ sông (đoạn từ cầu Đông Kinh đến Cơ sở 3, Trường Cao đẳng Lạng Sơn), phường Đông Kinh | phường Đông Kinh | 2027-2029 | | 150.000 | | 50 | | Hoàn thành hồ sơ trình thẩm định, phê duyệt chủ trương đầu tư | | | | | Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh | Kết luận họp BTV Tỉnh ủy |
| 9 | Công viên hai bên bờ sông (đoạn từ cầu Kỳ Cùng đến ngầm Thác Trà) | phường Tam Thanh, Lương Văn Tri | 2027-2029 | | 300.000 | | 100 | | Hoàn thành hồ sơ trình thẩm định, phê duyệt chủ trương đầu tư | | | | | Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh | Kết luận họp BTV Tỉnh ủy |
| 10 | Công viên trung tâm Lương Văn Tri và bãi đỗ xe công cộng | phường Lương Văn Tri | 2026-2028 | 22-KL/TU ngày 22/10/2025 | 50.000 | | 50 | | hoàn thành phê duyệt dự án | | | | | Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh | Đã hoàn thành phê duyệt CTĐT |

| STT | Nội dung | Địa điểm xây dựng | Thời gian khởi công, hoàn thành | Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư, nhiệm vụ đầu tư | | Vốn đã giải ngân từ khởi công đến hết kế hoạch năm trước | Kế hoạch năm 2026 bố trí chuẩn bị đầu tư | Giao nhiệm vụ về tiến độ (kế hoạch) triển khai, thực hiện | | | | | | Cơ quan chuẩn bị đầu tư | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Số quyết định ngày, tháng, năm | Dự kiến tổng mức đầu tư | | | Quý 2/2026 | | Quý 3/2026 | | Quý 4/2026 | | | |
| | | | | | | | | Thực tế triển khai, thực hiện | Yêu cầu tiến độ | Thực tế triển khai, thực hiện | Yêu cầu tiến độ | Thực tế triển khai, thực hiện | Yêu cầu tiến độ | | |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 |
| 11 | Công viên cây xanh, bãi đỗ xe trên địa bàn phường Tam Thanh (đoạn từ khu vực trước cổng Cung văn hoá thiếu nhi đến trước Cổng nhà hàng Newcentury) | phường Tam Thanh | 2026-2028 | 22-KL/TU ngày 22/10/2025 | 50.000 | | 30 | | Hoàn thành hồ sơ trình thẩm định, phê duyệt chủ trương đầu tư, hoàn thành phê duyệt dự án | | | | | Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh | |
| 12 | Dự án đầu tư xây dựng Khu tái định cư và dân cư Mai Pha - Yên Trạch | | 2027-2030 | 04-CTr/TU ngày 29/10/2025 | 100.000 | | 50 | | Hoàn thành hồ sơ trình thẩm định, phê duyệt chủ trương đầu tư, hoàn thành phê duyệt dự án | | | | | Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh | Chương trình hành động Đảng bộ tỉnh (04-CTr/TU ngày 29/10/2025) |
| 13 | Cải tạo, sửa chữa Bệnh viện đa khoa tỉnh | | 2026-2029 | | 100.000 | | 100 | | Hoàn thành hồ sơ trình thẩm định, phê duyệt chủ trương đầu tư | | | | | Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh | Kết luận Thường trực HĐND tỉnh |
| 14 | Đầu tư xây dựng mới, sửa chữa hệ thống thoát nước, thu gom xử lý nước thải trên địa bàn các phường | Các phường | 2026-2027 | | 500.000 | | 200 | | Hoàn thành hồ sơ trình thẩm định, phê duyệt chủ trương đầu tư, hoàn thành phê duyệt dự án | | | | | Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh | Thông báo số 1511/TB-HĐND ngày 14/10/2025 (gộp chung nhiệm vụ xây dựng hệ thống thoát nước từ đường Bà Triệu đến suối Lao Ly và hệ thống thoát nước tư Cầu Đen (khu vực chợ Giếng Vuông) ra sông Kỳ Cùng) |
| 15 | Đầu tư xây dựng cầu Cửa Nam | phường Lương Văn Tri và phường Đông Kinh | 2026-2029 | 316/TTr-SXD ngày 25/11/2025 | 310.000 | | 150 | | Hoàn thành hồ sơ trình thẩm định, phê duyệt chủ trương đầu tư, hoàn thành phê duyệt dự án | | | | | Sở Xây dựng | Kết luận Tỉnh ủy |
| 16 | Xây dựng tuyến nối đường Hùng Vương với Quốc lộ 1 | phường Đông Kinh | 2026-2029 | 316/TTr-SXD ngày 25/11/2025 | 210.000 | | 100 | | Hoàn thành hồ sơ trình thẩm định, phê duyệt chủ trương đầu tư, hoàn thành phê duyệt dự án | | | | | Sở Xây dựng | Kết luận Tỉnh ủy |
| 17 | Nâng cấp, cải tạo Ngầm Thác Trà, phường Lương Văn Tri | phường Lương Văn Tri | 2027-2029 | | 50.000 | | 100 | | Hoàn thành hồ sơ trình thẩm định, phê duyệt chủ trương đầu tư, hoàn thành phê duyệt dự án | | | | | Sở Xây dựng | Kết luận họp BTV Tỉnh ủy |
| 18 | Cải tạo, mở rộng Hè phố đường Bà Triệu (đoạn Lê Lợi - Lý Thái Tổ) | | 2027-2029 | 332/TTr-SXD | 80.000 | | 100 | | Hoàn thành hồ sơ trình thẩm định, phê duyệt chủ trương đầu tư | | | | | Sở Xây dựng | Kết luận họp BTV Tỉnh ủy |
| 19 | Đầu tư xây dựng cầu đi bộ qua sông Kỳ Cùng | Các phường | 2027-2029 | 332/TTr-SXD | 80.000 | | 100 | | Hoàn thành hồ sơ trình thẩm định, phê duyệt chủ trương đầu tư, hoàn thành phê duyệt dự án | | | | | Sở Xây dựng | Kết luận họp BTV Tỉnh ủy, dự kiến 02 điểm cầu Hoa Đào và Xứ Lạng |
| **B** | **DỰ ÁN KHÁC** | | **74** | | **23.711.769** | **-** | **7.500** | | | | | | | | |

| STT | Nội dung | Địa điểm xây dựng | Thời gian khởi công, hoàn thành | Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư, nhiệm vụ đầu tư | | Vốn đã giải ngân từ khởi công đến hết kế hoạch năm trước | Kế hoạch năm 2026 bố trí chuẩn bị đầu tư | Giao nhiệm vụ về tiến độ (kế hoạch) triển khai, thực hiện | | | | | | Cơ quan chuẩn bị đầu tư | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Số quyết định ngày, tháng, năm | Dự kiến tổng mức đầu tư | | | Quý 2/2026 | | Quý 3/2026 | | Quý 4/2026 | | | |
| | | | | | | | | Thực tế triển khai, thực hiện | Yêu cầu tiến độ | Thực tế triển khai, thực hiện | Yêu cầu tiến độ | Thực tế triển khai, thực hiện | Yêu cầu tiến độ | | |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 |
| 1 | Đường kết nối từ ĐT.234 đến QL.1, phường Đông Kinh, tỉnh Lạng Sơn | phường Đông Kinh | 2027-2030 | 210/TB-HĐTĐ ngày 10/6/2025; 941/TTr-BQLDA ngày 15/5/2025 | 327.749 | | 50 | | Hoàn thành hồ sơ trình thẩm định phê duyệt chủ trương | | | | Trình thẩm định phê duyệt dự án chậm nhất trong tháng 10/2026 | Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh | |
| 2 | Đường tránh trung tâm kết nối từ QL.1 đến QL.4B, phường Đông Kinh, tỉnh Lạng Sơn | phường Đông Kinh | 2028-2031 | 1119/TTr-BQLDA ngày 06/6/2025 | 1.190.503 | | 100 | | Hoàn thành hồ sơ trình thẩm định phê duyệt chủ trương | | | | Trình thẩm định phê duyệt dự án chậm nhất trong tháng 10/2026 | Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh | |
| 3 | Cải tạo, nâng cấp đường Bến Bắc - Khuổi Mạ - Khánh Khê | phường Tam Thanh, xã Khánh Khê | 2026-2030 | | 450.250 | | 50 | | Hoàn thành hồ sơ trình thẩm định phê duyệt chủ trương | | | | Trình thẩm định phê duyệt dự án chậm nhất trong tháng 10/2026 | Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh | |
| 4 | Nâng cấp đường ĐT.236 (Lộc Bình - Chi Ma) | xã Lộc Bình | 2027-2030 | Tờ trình 118/TTr-SXD ngày 20/6/2025 | 1.570.027 | | 200 | | Hoàn thành hồ sơ trình thẩm định phê duyệt chủ trương | | | | Trình thẩm định phê duyệt dự án chậm nhất trong tháng 10/2026 | Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh | |
| 5 | Đường nối ĐT.243, ĐT.244 tỉnh Lạng Sơn với QL17 tỉnh Bắc Ninh | xã Yên Thịnh, Hòa Bình, Yên Bình và Thiện Tân, Huyện Hữu Lũng | 2026-2030 | 1110/TTr-BQLDA ngày 06/6/2025 | 750.608 | | 100 | | Hoàn thành hồ sơ trình thẩm định phê duyệt chủ trương | | | | Trình thẩm định phê duyệt dự án chậm nhất trong tháng 10/2026 | Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh | |
| 6 | Nâng cao năng lực đường địa phương phục vụ phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Lạng Sơn | Lạng Sơn | 2027-2030 | | 5.619.000 | | 300 | | Hoàn thành hồ sơ trình thẩm định phê duyệt chủ trương | | | | Trình thẩm định phê duyệt dự án chậm nhất trong tháng 10/2026 | Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh | |
| 7 | Cải tạo, sửa chữa đường tỉnh ĐT.246 (Bính Xá - Bắc Xa) đoạn từ Km0 -Km19, huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn | xã Đình Lập | 2027-2029 | | 70.000 | | 50 | | Hoàn thành hồ sơ trình thẩm định phê duyệt chủ trương | | | | Trình thẩm định phê duyệt dự án chậm nhất trong tháng 10/2026 | Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh | |
| 8 | Cải tạo, sửa chữa tuyến đường Bản Giềng - Đèo Cướm - Bằng Mạc, huyện Văn Quan, huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn | xã Văn Quan, Tri Lễ | 2027-2030 | | 90.000 | | 50 | | Hoàn thành hồ sơ trình thẩm định phê duyệt chủ trương | | | | Trình thẩm định phê duyệt dự án chậm nhất trong tháng 10/2026 | Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh | |
| 9 | Đường kết nối từ QL.1A đến Trường chính trị Hoàng Văn Thụ | phường Đông Kinh | 2026-2030 | | 55.000 | | 50 | | Hoàn thành hồ sơ trình thẩm định phê duyệt chủ trương | | | | Trình thẩm định phê duyệt dự án chậm nhất trong tháng 10/2026 | Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh | |
| 10 | Đường ĐH.21 (Cao Lâu - Xuất Lễ), huyện Cao Lộc | xã Ba Sơn | *2026-2030* | | 11.643 | | 50 | | Hoàn thành hồ sơ trình thẩm định phê duyệt chủ trương | | | | Trình thẩm định phê duyệt dự án chậm nhất trong tháng 10/2026 | Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh | |
| 11 | Đường ĐH24 (Cao Lộc - Lộc Yên - Đông Nội), huyện Cao Lộc | xã Cao Lộc | 2026-2028 | | 44.381 | | 50 | | Hoàn thành hồ sơ trình thẩm định phê duyệt chủ trương | | | | Trình thẩm định phê duyệt dự án chậm nhất trong tháng 10/2026 | Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh | |
| 12 | Cải tạo, nâng cấp đường Chu Văn An | phường Đông Kinh | 2026-2029 | 40/TB-HĐ ngày 18/3/2025; 126/BC-UBND ngày 12/02/2025 | 168.300 | | 100 | | Hoàn thành hồ sơ trình thẩm định phê duyệt chủ trương | | | | Trình thẩm định phê duyệt dự án chậm nhất trong tháng 10/2026 | Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh | |

| STT | Nội dung | Địa điểm xây dựng | Thời gian khởi công, hoàn thành | Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư, nhiệm vụ đầu tư | | Vốn đã giải ngân từ khởi công đến hết kế hoạch năm trước | Kế hoạch năm 2026 bố trí chuẩn bị đầu tư | Giao nhiệm vụ về tiến độ (kế hoạch) triển khai, thực hiện | | | | | | Cơ quan chuẩn bị đầu tư | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Số quyết định ngày, tháng, năm | Dự kiến tổng mức đầu tư | | | Quý 2/2026 | | Quý 3/2026 | | Quý 4/2026 | | | |
| | | | | | | | | Thực tế triển khai, thực hiện | Yêu cầu tiến độ | Thực tế triển khai, thực hiện | Yêu cầu tiến độ | Thực tế triển khai, thực hiện | Yêu cầu tiến độ | | |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 |
| 13 | Khu liên hợp thể thao tỉnh Lạng Sơn (giai đoạn 2) | phường Đông Kinh | 2027-2030 | 1195/TTr-BQLDA ngày 14/6/2025 | 717.516 | | 100 | | Hoàn thành hồ sơ trình thẩm định phê duyệt chủ trương | | | | Trình thẩm định phê duyệt dự án chậm nhất trong tháng 10/2026 | Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh | |
| 14 | Cải tạo chỉnh trang khu di tích, danh thắng Nhị - Tam Thanh, phường Tam Thanh | phường Tam Thanh | 2026-2029 | 227/TB-UBND ngày 15/5/2023 | 201.080 | | 50 | | Hoàn thành hồ sơ trình thẩm định phê duyệt chủ trương | | | | Trình thẩm định phê duyệt dự án chậm nhất trong tháng 10/2026 | Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh | |
| 15 | Trung tâm triển lãm và tổ chức sự kiện văn hóa | Lạng Sơn | 2027-2029 | | 150.500 | | 50 | | Hoàn thành hồ sơ trình thẩm định phê duyệt chủ trương | | | | Trình thẩm định phê duyệt dự án chậm nhất trong tháng 10/2026 | Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh | Dự kiến đề xuất sang nguồn CTMTQG văn hóa |
| 16 | Đầu tư xây dựng cơ sở mới Trường Chính trị Hoàng Văn Thụ | phường Đông Kinh | 2026-2029 | | 196.000 | | 100 | | Hoàn thành hồ sơ trình thẩm định phê duyệt chủ trương | | | | Trình thẩm định phê duyệt dự án chậm nhất trong tháng 10/2026 | Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh | |
| 17 | Xây dựng mới Trường THPT xã Cai Kinh | xã Cai Kinh | 2027-2029 | | 118.161 | | 50 | | Hoàn thành hồ sơ trình thẩm định phê duyệt chủ trương | | | | Trình thẩm định phê duyệt dự án chậm nhất trong tháng 10/2026 | Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh | |
| 18 | Xây dựng mới Trường THPT Đông Kinh (Chu Văn An) | phường Đông Kinh | 2027-2029 | | 118.161 | | 50 | | Hoàn thành hồ sơ trình thẩm định phê duyệt chủ trương | | | | Trình thẩm định phê duyệt dự án chậm nhất trong tháng 10/2026 | Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh | |
| 19 | Nâng cấp, cải tạo các Trường THPT trên địa bàn tỉnh | Tỉnh Lạng Sơn | 2026-2029 | | 239.950 | | 100 | | Hoàn thành hồ sơ trình thẩm định phê duyệt chủ trương | | | | Trình thẩm định phê duyệt dự án chậm nhất trong tháng 10/2026 | Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh | |
| 20 | Xây dựng trụ sở làm việc Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước thuộc Sở Tư pháp | phường Lương Văn Tri | 2027-2028 | | 9.756 | | 50 | | Hoàn thành hồ sơ trình thẩm định phê duyệt chủ trương | | | | Trình thẩm định phê duyệt dự án chậm nhất trong tháng 10/2026 | Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh | Đã hoàn thành phương án sắp xếp, tiếp tục có nhu cầu xây dựng tại vị trí mới (Phòng Công chứng số 1) |
| 21 | Xây dựng Khu lưu trữ lịch sử tỉnh | | 2027-2029 | | 80.000 | | 30 | | Hoàn thành hồ sơ trình thẩm định phê duyệt chủ trương | | | | Trình thẩm định phê duyệt dự án chậm nhất trong tháng 10/2026 | Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh | Sở Nội vụ đề xuất để lưu trữ hồ sơ từ cấp huyện chuyển về, giao Ban QLDA ĐTXD tỉnh phối hợp Sở Nội vụ nghiên cứu đề xuất |
| 22 | Trại thực nghiệm và các trang thiết bị kỹ thuật | phường Lương Văn Tri | 2027-2029 | 2302/QĐ-UBND ngày 25/11/2021 | 44.900 | | 50 | | Hoàn thành hồ sơ trình thẩm định phê duyệt chủ trương | | | | Trình thẩm định phê duyệt dự án chậm nhất trong tháng 10/2026 | Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh | Dự án đã phê duyệt CTĐT, dự kiến đ/c CTĐT, khởi động lại giai đoạn 2026-2030 |
| 23 | Xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung tại Cụm công nghiệp địa phương số 2 | phường Kỳ Lừa | 2026-2028 | | 12.500 | | 30 | | Hoàn thành hồ sơ trình thẩm định phê duyệt chủ trương | | | | Trình thẩm định phê duyệt dự án chậm nhất trong tháng 10/2026 | Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh | Bố trí khởi công sau khi hoàn thiện thủ tục đầu tư |
| 24 | Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật ngoài hàng rào cụm công nghiệp Na Dương 1, 2, 3 | xã Na Dương | 2026-2030 | | 40.800 | | 70 | | Hoàn thành hồ sơ trình thẩm định phê duyệt chủ trương | | | | Trình thẩm định phê duyệt dự án chậm nhất trong tháng 10/2026 | Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh | Bố trí khởi công sau khi hoàn thiện thủ tục đầu tư |
| 25 | Xây dựng mới Đường kết nối từ ngã 3 nút giao đường 242 từ khu đô thị mới Hữu Lũng đến nút giao cao tốc Bắc Giang - Lạng Sơn | xã Hữu Lũng, xã Vân Nham, xã Thiện Tân | 2027-2029 | | 409.000 | | 100 | | Hoàn thành hồ sơ trình thẩm định phê duyệt chủ trương | | | | Trình thẩm định phê duyệt dự án chậm nhất trong tháng 10/2026 | Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh | |

| STT | Nội dung | Địa điểm xây dựng | Thời gian khởi công, hoàn thành | Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư, nhiệm vụ đầu tư | | Vốn đã giải ngân từ khởi công đến hết kế hoạch năm trước | Kế hoạch năm 2026 bố trí chuẩn bị đầu tư | Giao nhiệm vụ về tiến độ (kế hoạch) triển khai, thực hiện | | | | | | Cơ quan chuẩn bị đầu tư | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Số quyết định ngày, tháng, năm | Dự kiến tổng mức đầu tư | | | Quý 2/2026 | | Quý 3/2026 | | Quý 4/2026 | | | |
| | | | | | | | | Thực tế triển khai, thực hiện | Yêu cầu tiến độ | Thực tế triển khai, thực hiện | Yêu cầu tiến độ | Thực tế triển khai, thực hiện | Yêu cầu tiến độ | | |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 |
| 26 | Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật ngoài hàng rào cụm công nghiệp Văn Lãng, Văn Lãng 2 | xã Hoàng Văn Thụ | 2027-2029 | | 77.200 | | 50 | | Hoàn thành hồ sơ trình thẩm định phê duyệt chủ trương | | | | Trình thẩm định phê duyệt dự án chậm nhất trong tháng 10/2026 | Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh | |
| 27 | Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật ngoài hàng rào cụm công nghiệp Hợp thành 1, 2 và Khu chế xuất 1 | xã Đồng Đăng, phường Kỳ Lừa | 2027-2029 | | 42.200 | | 50 | | Hoàn thành hồ sơ trình thẩm định phê duyệt chủ trương | | | | Trình thẩm định phê duyệt dự án chậm nhất trong tháng 10/2026 | Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh | |
| 28 | Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật ngoài hàng rào cụm công nghiệp Tân Văn | | 2026-2028 | | 20.000 | | 50 | | Hoàn thành hồ sơ trình thẩm định phê duyệt chủ trương | | | | Trình thẩm định phê duyệt dự án chậm nhất trong tháng 10/2026 | Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh | Bổ sung mới |
| 29 | Khu dân cư, tái định cư xã Tân Thành | xã Tân Thành | 2027-2030 | | 200.000 | | 50 | | Hoàn thành hồ sơ trình thẩm định phê duyệt chủ trương | | | | Trình thẩm định phê duyệt dự án chậm nhất trong tháng 10/2026 | Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh | |
| 30 | Khu dân cư, tái định cư xã Tân Thành 2 | xã Tân Thành | 2027-2029 | | 50.000 | | 50 | | Hoàn thành hồ sơ trình thẩm định phê duyệt chủ trương | | | | Trình thẩm định phê duyệt dự án chậm nhất trong tháng 10/2026 | Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh | |
| 31 | Khu tái định cư xã Chiến Thắng, huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn | xã Vũ Lễ | 2028-2030 | | 50.000 | | 50 | | Hoàn thành hồ sơ trình thẩm định phê duyệt chủ trương | | | | Trình thẩm định phê duyệt dự án chậm nhất trong tháng 10/2026 | Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh | |
| 32 | Dự án "Phát triển cơ sở hạ tầng thích ứng với biến đổi khí hậu để hỗ trợ sản xuất cho đồng bào dân tộc các tỉnh miền núi, trung du phía Bắc, tỉnh Lạng Sơn" sử dụng vốn vay Nhật Bản | tỉnh Lạng Sơn | 2026-2029 | 576/QĐ-TTg ngày 11/5/2022; 2291/QĐ-UBND ngày 30/10/2025 | 813.500 | | 300 | | Hoàn thành hồ sơ trình thẩm định phê duyệt chủ trương | | | | Trình thẩm định phê duyệt dự án chậm nhất trong tháng 10/2026 | Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh | Bố trí khởi công sau khi hoàn thiện thủ tục đầu tư |
| 33 | Nâng cao năng lực thích ứng biến đổi khí hậu cho hạ tầng, cải thiện môi trường phục vụ phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Lạng Sơn (vốn vay AFD). | tỉnh Lạng Sơn | 2027-2030 | | 1.442.000 | | 100 | | Hoàn thành hồ sơ trình thẩm định phê duyệt chủ trương | | | | Trình thẩm định phê duyệt dự án chậm nhất trong tháng 10/2026 | Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh | |
| 34 | Cải tạo, nâng công suất Trạm cấp nước khu vực xã Thất Khê | xã Thất Khê | 2027-2029 | | 25.000 | | 50 | | Hoàn thành hồ sơ trình thẩm định phê duyệt chủ trương | | | | Trình thẩm định phê duyệt dự án chậm nhất trong tháng 10/2026 | Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh | Dự kiến từ nguồn khấu hao tài sản nước sạch giai đoạn 2026-2030 |
| 35 | Cải tạo, nâng công suất Trạm cấp nước khu vực xã Na Sầm | xã Na Sầm | 2027-2029 | | 15.000 | | 50 | | Hoàn thành hồ sơ trình thẩm định phê duyệt chủ trương | | | | Trình thẩm định phê duyệt dự án chậm nhất trong tháng 10/2026 | Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh | Dự kiến từ nguồn khấu hao tài sản nước sạch giai đoạn 2026-2030 |
| 36 | Sửa chữa cơ sở vật chất, mở rộng hệ thống cấp nước tại khu vực xã Hữu Lũng | xã Hữu Lũng | 2028-2030 | | 15.000 | | 50 | | Hoàn thành hồ sơ trình thẩm định phê duyệt chủ trương | | | | Trình thẩm định phê duyệt dự án chậm nhất trong tháng 10/2026 | Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh | Dự kiến từ nguồn khấu hao tài sản nước sạch giai đoạn 2026-2030 |
| 37 | Đầu tư xây dựng 05 trụ sở UBND cấp xã | | 2026-2028 | | 266.015 | | 250 | | Hoàn thành hồ sơ trình thẩm định phê duyệt chủ trương | | | | Trình thẩm định phê duyệt dự án chậm nhất trong tháng 10/2026 | Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh | |
| 38 | Sửa chữa nền mặt đường, hệ thống thoát nước tuyến đường Tổng Nọt - Y Tịch (ĐH.88) đoạn từ Km0+00 - Km12+800, xã Vạn Linh | xã Vạn Linh | 2026-2028 | | 25.500 | | 50 | | Hoàn thành hồ sơ trình thẩm định phê duyệt chủ trương | | | | Trình thẩm định phê duyệt dự án chậm nhất trong tháng 10/2026 | Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh | Chưa hoàn thiện thủ tục đầu tư |
| 39 | Cải tạo, sửa chữa Đường Khánh Long - Vĩnh Tiến, xã Đoàn Kết, tỉnh Lạng Sơn | xã Đoàn Kết | 2026-2028 | | 40.000 | | 50 | | Hoàn thành hồ sơ trình thẩm định phê duyệt chủ trương | | | | Trình thẩm định phê duyệt dự án chậm nhất trong tháng 10/2026 | Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh | |

| STT | Nội dung | Địa điểm xây dựng | Thời gian khởi công, hoàn thành | Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư, nhiệm vụ đầu tư | | Vốn đã giải ngân từ khởi công đến hết kế hoạch năm trước | Kế hoạch năm 2026 bố trí chuẩn bị đầu tư | Giao nhiệm vụ về tiến độ (kế hoạch) triển khai, thực hiện | | | | | | Cơ quan chuẩn bị đầu tư | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Số quyết định ngày, tháng, năm | Dự kiến tổng mức đầu tư | | | Quý 2/2026 | | Quý 3/2026 | | Quý 4/2026 | | | |
| | | | | | | | | Thực tế triển khai, thực hiện | Yêu cầu tiến độ | Thực tế triển khai, thực hiện | Yêu cầu tiến độ | Thực tế triển khai, thực hiện | Yêu cầu tiến độ | | |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 |
| 40 | Sửa chữa nền mặt đường và hệ thống thoát nước đường đến trung tâm các xã Hưng Vũ, Vũ Lăng, Nhất Hoà | xã Hưng Vũ, Vũ Lăng, Nhất Hoà | 2026-2028 | | 30.000 | | 50 | | Hoàn thành hồ sơ trình thẩm định phê duyệt chủ trương | | | | Trình thẩm định phê duyệt dự án chậm nhất trong tháng 10/2026 | Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh | |
| 41 | Sửa chữa nền, mặt đường và hệ thống thoát nước đường Khuổi Mạ - Khánh Khê, Xã Khánh Khê | xã Khánh Khê | 2027-2029 | | 10.000 | | 50 | | Hoàn thành hồ sơ trình thẩm định phê duyệt chủ trương | | | | Trình thẩm định phê duyệt dự án chậm nhất trong tháng 10/2026 | Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh | |
| 42 | Sửa chữa nền, mặt đường và hệ thống thoát nước đường Bản Loỏng -Đồng Giáp- Khánh Khê | xã Khánh Khê | 2027-2029 | | 30.000 | | 50 | | Hoàn thành hồ sơ trình thẩm định phê duyệt chủ trương | | | | Trình thẩm định phê duyệt dự án chậm nhất trong tháng 10/2026 | Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh | |
| 43 | Sửa chữa mặt đường và hệ thống thoát nước ĐT.232 đoạn Km0-Km2+200, Km4+900 - Km15, xã Điềm He | | 2027-2029 | | 21.500 | | 50 | | Hoàn thành hồ sơ trình thẩm định phê duyệt chủ trương | | | | Trình thẩm định phê duyệt dự án chậm nhất trong tháng 10/2026 | Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh | |
| 44 | Cải tạo, sửa chữa tuyến đường huyện ĐH.35 ( Ái Quốc – Lợi Bác) đoạn từ Km27+500 - 43+500, xã Xuân Dương | xã Xuân Dương | 2027-2029 | | 32.000 | | 50 | | Hoàn thành hồ sơ trình thẩm định phê duyệt chủ trương | | | | Trình thẩm định phê duyệt dự án chậm nhất trong tháng 10/2026 | Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh | |
| 45 | Sửa chữa hệ thống nền, mặt đường và hệ thống thoát nước, an toàn giao thông tuyến đường ĐH.01 (Trung Thành - Tân Minh), xã Kháng Chiến | xã Kháng Chiến | 2028-2030 | | 30.000 | | 50 | | Hoàn thành hồ sơ trình thẩm định phê duyệt chủ trương | | | | Trình thẩm định phê duyệt dự án chậm nhất trong tháng 10/2026 | Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh | |
| 46 | Xây dựng cầu Nà Pàng 1 lý trình Km7+050 và Nà Pàng 2 lý trình Km7+580 trên đường huyện ĐH.05 (Xe Lán - Bản Ca), xã Thất Khê | xã Thất Khê | 2028-2030 | | 14.000 | | 50 | | Hoàn thành hồ sơ trình thẩm định phê duyệt chủ trương | | | | Trình thẩm định phê duyệt dự án chậm nhất trong tháng 10/2026 | Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh | |
| 47 | Dự án Cải tạo, sửa chữa Cung Thanh thiếu nhi Lạng Sơn | | 2026-2028 | | 17.591 | | 50 | | Hoàn thành hồ sơ trình thẩm định phê duyệt chủ trương | | | | Trình thẩm định phê duyệt dự án chậm nhất trong tháng 10/2026 | Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh | |
| 48 | Xây dựng mới Thư viện tỉnh | | 2027-2029 | | 80.000 | | 50 | | Hoàn thành hồ sơ trình thẩm định phê duyệt chủ trương | | | | Trình thẩm định phê duyệt dự án chậm nhất trong tháng 10/2026 | Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh | |
| 49 | Xây dựng Tổ công tác Quốc Khánh điểm cao 820/ Đồn biên phòng Pò Mã | xã Quốc Khánh | 2027-2029 | | 10.000 | | 20 | | Hoàn thành hồ sơ trình thẩm định phê duyệt chủ trương | | | | Trình thẩm định phê duyệt dự án chậm nhất trong tháng 10/2026 | Ban Chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh | |
| 50 | Công trình chốt DQ thường trực biên giới | tỉnh Lạng Sơn | 2027-2029 | | 50.000 | | 30 | | Hoàn thành hồ sơ trình thẩm định phê duyệt chủ trương | | | | Trình thẩm định phê duyệt dự án chậm nhất trong tháng 10/2026 | Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh | Thuộc Đề án XD lực lượng Dân quân tự vệ GĐ 2026-2030 |
| 51 | Xây dựng thao trường huấn luyện | tỉnh Lạng Sơn | 2027-2029 | | 17.500 | | 30 | | Hoàn thành hồ sơ trình thẩm định phê duyệt chủ trương | | | | Trình thẩm định phê duyệt dự án chậm nhất trong tháng 10/2026 | Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh | 1213/HĐND-KHNS ngày 27/8/2025, Thuộc Đề án XD lực lượng Dân quân tự vệ GĐ 2026-2030 |
| 52 | Xây dựng Nhà bia lưu niệm nơi thành lập Tỉnh bộ dân quân Lạng Sơn | tỉnh Lạng Sơn | 2027-2028 | | 3.000 | | 20 | | Hoàn thành hồ sơ trình thẩm định phê duyệt chủ trương | | | | Trình thẩm định phê duyệt dự án chậm nhất trong tháng 10/2026 | Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh | Báo cáo số 2488/BC-BCH ngày 11/11/2025, chưa có trong dự kiến trung hạn 2026-2030,dự án quy mô nhỏ bố trí cbđt, nghiên cứu đầu tư từ nguồn vốn khác trong năm 2026 |

| STT | Nội dung | Địa điểm xây dựng | Thời gian khởi công, hoàn thành | Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư, nhiệm vụ đầu tư | | Vốn đã giải ngân từ khởi công đến hết kế hoạch năm trước | Kế hoạch năm 2026 bố trí chuẩn bị đầu tư | Giao nhiệm vụ về tiến độ (kế hoạch) triển khai, thực hiện | | | | | | Cơ quan chuẩn bị đầu tư | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Số quyết định ngày, tháng, năm | Dự kiến tổng mức đầu tư | | | Quý 2/2026 | | Quý 3/2026 | | Quý 4/2026 | | | |
| | | | | | | | | Thực tế triển khai, thực hiện | Yêu cầu tiến độ | Thực tế triển khai, thực hiện | Yêu cầu tiến độ | Thực tế triển khai, thực hiện | Yêu cầu tiến độ | | |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 |
| 53 | Trụ sở làm việc Đội PCCC và cứu nạn cứu hộ khu vực Lộc Bình | xã Lộc Bình | 2027-2029 | | 35.000 | | 30 | | | | | | Trình thẩm định phê duyệt dự án chậm nhất trong tháng 10/2026 | Công an tỉnh | |
| 54 | Trụ sở làm việc Đội PCCC và cứu nạn cứu hộ khu vực Văn Lãng | xã Văn Lãng | 2028-2030 | | 40.000 | | 30 | | | | | | Trình thẩm định phê duyệt dự án chậm nhất trong tháng 10/2026 | Công an tỉnh | |
| 55 | Trụ sở làm việc Đội PCCC và cứu nạn cứu hộ khu vực Bình Gia | xã Bình Gia | 2028-2030 | | 35.000 | | 30 | | | | | | Trình thẩm định phê duyệt dự án chậm nhất trong tháng 10/2026 | Công an tỉnh | |
| 56 | Trụ sở làm việc Đội PCCC và cứu nạn cứu hộ khu vực Hữu Lũng | xã Hữu Lũng | 2027-2029 | | 40.000 | | 30 | | | | | | Trình thẩm định phê duyệt dự án chậm nhất trong tháng 10/2026 | Công an tỉnh | |
| 57 | Đầu tư cải tạo, nâng cấp, bổ sung trang thiết bị tại Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Lạng Sơn | xã Tân Đoàn, phường Lương Văn Tri | 2026-2027 | | 238.256 | | 2.000 | | | | | | Trình thẩm định phê duyệt dự án chậm nhất trong tháng 10/2026 | Công an tỉnh | |
| 58 | Đầu tư xây mới Tuyến đường từ Hội Hoan – Tân Văn | xã Hội Hoan, Tân Văn | 2026-2028 | 1027/VP-KT ngày 07/3/2024 | 30.000 | | 50 | | | | | | Trình thẩm định phê duyệt dự án chậm nhất trong tháng 10/2026 | Sở Xây dựng | |
| 59 | Cải tạo, nâng cấp đường tỉnh ĐT.243 (Gốc Me - Hữu Liên - Mô Nhài - Tam Canh), tỉnh Lạng Sơn | xã Hữu Lũng, Cai Kinh, Hữu Liên, Hưng Vũ | 2026-2029 | Tờ trình 119/TTr-SXD ngày 22/6/2025 | 1.189.000 | | 200 | | | | | | | Sở Xây dựng | Đã chuyển sang dự án liên vùng |
| 60 | Dự án Nâng cấp giao thông địa phương hiệu quả và thích ứng biến đổi khí hậu (REPTIP) - tỉnh Lạng Sơn | tỉnh Lạng Sơn | 2026-2029 | 123/TTr-SXD ngày 24/6/2025; 2033/SXD-BQLBT ngày 23/6/2025 | 1.917.390 | | 100 | | Hoàn thành hồ sơ trình thẩm định phê duyệt chủ trương | | | | Trình thẩm định phê duyệt dự án chậm nhất trong tháng 10/2026 | Sở Xây dựng | |
| 61 | Bảo tồn, tôn tạo Khu di tích lịch sử Chi Lăng | xã Chi Lăng | 2027-2029 | | 101.000 | | 50 | | | | | | Trình thẩm định phê duyệt dự án chậm nhất trong tháng 10/2026 | Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch | Dự kiến đề xuất sang nguồn CTMTQG văn hóa |
| 62 | Đầu tư xây dựng Bảo tàng tỉnh Lạng Sơn | | 2027-2030 | | 800.000 | | 100 | | | | | | Trình thẩm định phê duyệt dự án chậm nhất trong tháng 10/2026 | Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch | Kết hợp công viên địa chất |
| 63 | Tu bổ di tích Đồn Mô Nhài, Đình Nông Lục Đèo Tam Canh thuộc khu di tích Khởi nghĩa Bắc Sơn | xã Bắc Sơn | 2027-2029 | | 130.200 | | 50 | | | | | | Trình thẩm định phê duyệt dự án chậm nhất trong tháng 10/2026 | Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch | Dự kiến đề xuất sang nguồn CTMTQG văn hóa |
| 64 | Dự án: Mở rộng, nâng cấp Bảo tàng Khởi nghĩa Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn | xã Bắc Sơn | 2028-2030 | | 65.000 | | 50 | | Hoàn thành hồ sơ trình thẩm định phê duyệt chủ trương | | | | Trình thẩm định phê duyệt dự án chậm nhất trong tháng 10/2026 | Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch | |
| 65 | Tượng đài và Quảng trường Bác Hồ với nhân dân các dân tộc tỉnh Lạng Sơn | tỉnh Lạng Sơn | 2029-2032 | | 500.000 | | 50 | | | | | | Trình thẩm định phê duyệt dự án chậm nhất trong tháng 10/2026 | Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch | Dự kiến đề xuất sang nguồn CTMTQG văn hóa |

| STT | Nội dung | Địa điểm xây dựng | Thời gian khởi công, hoàn thành | Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư, nhiệm vụ đầu tư | | Vốn đã giải ngân từ khởi công đến hết kế hoạch năm trước | Kế hoạch năm 2026 bố trí chuẩn bị đầu tư | Giao nhiệm vụ về tiến độ (kế hoạch) triển khai, thực hiện | | | | | | Cơ quan chuẩn bị đầu tư | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Số quyết định ngày, tháng, năm | Dự kiến tổng mức đầu tư | | | Quý 2/2026 | | Quý 3/2026 | | Quý 4/2026 | | | |
| | | | | | | | | Thực tế triển khai, thực hiện | Yêu cầu tiến độ | Thực tế triển khai, thực hiện | Yêu cầu tiến độ | Thực tế triển khai, thực hiện | Yêu cầu tiến độ | | |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 |
| 66 | Dự án Tu bổ, tôn tạo di tích lịch sử Pháo đài Đồng Đăng | xã Đồng Đăng | 2026-2028 | Công văn số 2024/VP-KGVX, ngày 06/5/2023 của Văn phòng UBND tỉnh | 65.000 | | 50 | | Hoàn thành hồ sơ trình thẩm định phê duyệt chủ trương | | | | Trình thẩm định phê duyệt dự án chậm nhất trong tháng 10/2026 | Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch | |
| 67 | Đối ứng xây dựng trường phổ thông nội trú liên cấp tiểu học - trung học cơ sở tại các xã biên giới đất liền thuộc tỉnh Lạng Sơn | Lạng Sơn | 2026-2027 | | 1.012.000 | | 200 | | | | | | | Sở Giáo dục và Đào tạo | Đã khởi công |
| 68 | Đầu tư, nâng cấp Hạ tầng trang thiết bị công nghệ thông tin, các phần mềm nền tảng, số hóa cơ sở dữ liệu phục vụ chương trình chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2026-2030 | Tỉnh Lạng Sơn | 2027-2030 | | 200.200 | | 100 | | Hoàn thành phê duyệt dự án | | | | Trình thẩm định phê duyệt dự án chậm nhất trong tháng 10/2026 | Sở Khoa học và Công nghệ | |
| 69 | Dự án chỉnh lý biến động hồ sơ địa chính, hoàn thiện cơ sở dữ liệu đất đai trên địa bàn tỉnh sau khi sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã đối với khu vực tỷ lệ 1/500 và 1/1.000 | | 2026-2029 | | 427.338 | | 200 | | Hoàn thành hồ sơ trình thẩm định phê duyệt chủ trương | | | | Trình thẩm định phê duyệt dự án chậm nhất trong tháng 10/2026 | Sở Nông nghiệp và Môi trường | Chưa hoàn thiện thủ tục đầu tư |
| 70 | Dự án Xây dựng cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia, thành lập bộ bản đồ địa hình quốc gia tỷ lệ 1:2.000 và tỷ lệ 1:5.000 trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn | | 2026-2028 | | 85.594 | | 100 | | Hoàn thành hồ sơ trình thẩm định phê duyệt chủ trương | | | | Trình thẩm định phê duyệt dự án chậm nhất trong tháng 10/2026 | Sở Nông nghiệp và Môi trường | Chưa hoàn thiện thủ tục đầu tư |
| 71 | Dự án Đo đạc lập lại bản đồ địa chính, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính đối với khu vực đất lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn | tỉnh Lạng Sơn | 2028-2031 | | 660.000 | | 200 | | Hoàn thành hồ sơ trình thẩm định phê duyệt chủ trương | | | | Trình thẩm định phê duyệt dự án chậm nhất trong tháng 10/2026 | Sở Nông nghiệp và Môi trường | |
| 72 | Khu tái định cư xã Na Dương | xã Na Dương | 2027-2029 | | 18.000 | | 50 | | Hoàn thành hồ sơ trình thẩm định phê duyệt chủ trương, phê duyệt dự án | | | | | UBND xã Na Dương | |
| 73 | Cải tạo, sửa chữa tuyến đường Khuổi Sắp – Khuổi Nà, xã Thiện Hoà | xã Thiện Hoà | 2027-2029 | | 6.000 | | 50 | | Hoàn thành hồ sơ trình thẩm định phê duyệt chủ trương | | | | Trình thẩm định phê duyệt dự án chậm nhất trong tháng 10/2026 | UBND xã Thiện Hòa | |
| 74 | Xử lý điểm ngập úng đảm bảo an toàn giao thông mùa mưa lũ tại ngầm Nà Mục, xã Tri Lễ | xã Tri Lễ | 2028-2030 | | 4.000 | | 50 | | | | | | | UBND xã Tri Lễ | Đã chuyển sang nguồn tài trợ |